

Bản án số: 12/ 2020/ HNGĐ - ST
Ngày: 24 - 8 - 2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thân

Bà Đồng Thị Vân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/ 2020/ TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/ 2020/ QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *NguY đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Na Hoàng, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Na Hoàng, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên hòa giải, nguY đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà L kết hôn với ông Y năm 1986 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên (nay là phường Lương Sơn, thành phố Sông Công). Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 30 năm, đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguY nhân do ông Y ngoại tình, vợ chồng đã ly thân đến nay được khoảng 02 năm. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Y. Về con chung, bà L và ông Y đã có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà, sinh năm 1987 và Nguyễn Văn Linh, sinh năm 1989. Cả hai con chung đã thành niên, đã lấy vợ, lấy chồng có gia đình riêng, có đủ năng lực hành vi dân sự, khả năng lao động và tài sản

để tự nuôi mình. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận; nợ chung không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Y khai về quá trình vợ chồng kết hôn, chung sống, ly thân đúng như bà L đã trình bày. Tuy nhiên đến nay, ông Y xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn không lớn, nên không đồng ý ly hôn bà L. Về con chung: Vợ chồng đã có 02 con chung như bà L đã trình bày, cả hai con chung đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận; nợ chung không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ bà L giao nộp: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Bản sao: Sổ hộ khẩu gia đình, Giấy chứng minh nhân dân của bà L và ông Y, Giấy khai sinh 02 con chung.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành, vụ án được đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông Y, ông Y không đồng ý ly hôn vì xác định mâu thuẫn vợ chồng không lớn; về con chung, bà L và ông Y xác định các con chung đều đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia và gia đình về “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại thành phố Sông Sông, theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 30 năm, đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, lý do ông Y ngoại tình, vợ chồng đã ly thân đến nay được khoảng 02 năm, bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cương quyết xin ly hôn. Như vậy, đã có sự vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn ông Y. Về phía ông Y không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L vì lý do ông Y xác định mâu thuẫn vợ chồng không lớn là không có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung: Bà L và ông Y đã có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà, sinh năm 1987 và Nguyễn Văn Linh, sinh năm 1989. Cả hai con chung đã thành niên, đã

lấy vợ, lấy chồng có gia đình riêng, có đủ năng lực hành vi dân sự, khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Cả bà L và ông Y đều không yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

[3] Về án phí: Bà L là nguY đơn trong vụ án ly hôn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà L và ông Y được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Văn Y.

2. Về con chung: Bà L và ông Y đều xác định đã có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà – sinh năm 1987 và Nguyễn Văn Linh – sinh năm 1989. Cả hai con chung đã thành niên, đã lấy vợ, lấy chồng có gia đình riêng, có đủ năng lực hành vi dân sự, khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Cả bà L và ông Y đều không yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007980 ngày 13/7/ 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguY đơn là bà Nguyễn Thị Y và bị đơn là ông Nguyễn Văn Y. Báo cho bà L, ông Y biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuY án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Sông Công;
- UBND phường Lương Sơn;
- Chi cục THA DS TP. Sông Công;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Văn Phong

